****

**PHIẾU HỎI DOANH NGHIỆP**

*(Phục vụ Bảng xếp hạng Top 10 Công ty Bao bì uy tín năm 2021)*

Vietnam Report cam kết phiếu điều tra chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu, không công bố những thông tin Doanh nghiệp cung cấp theo đúng quy chế bảo mật thông tin.

Kính đề nghị Quý Doanh nghiệp điền đầy đủ thông tin và gửi về cho Vietnam Report **trước 17h ngày 30/11/2021.**

Trân trọng cảm ơn!

**THÔNG TIN NGƯỜI ĐIỀN PHIẾU**

Họ và tên: ………………………………………………………………………………………….…………

Bộ phận làm việc: ……………………………………………………………………………………………

Số điện thoại liên lạc: ………………………………………………………………………………………...

Email:………………………………………………………………………………………….…………….

|  |
| --- |
| PHẦN I: THÔNG TIN DOANH NGHIỆP |

1. **Tên Doanh nghiệp:** ……………………………………………………………………………………...
2. **Mã số thuế:** ………………………………………………………………………………………………
3. **Năm thành lập:** …………………………………………………………………………………….........
4. **Loại hình hoạt động của Doanh nghiệp:**

Nhà nước

Tư nhân trong nước

Có vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 50%

1. **Tình hình tài chính của Doanh nghiệp:**

| **Chỉ tiêu** | **Năm 2020** | **Kế hoạch năm 2021** | **Kết quả 9 tháng đầu năm 2021** |
| --- | --- | --- | --- |
| Tổng tài sản (triệu đồng) |  |  |  |
| Vốn chủ sở hữu (triệu đồng) |  |  |  |
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (triệu đồng) |  |  |  |
| Tổng doanh thu (triệu đồng) (\*) |  |  |  |
| Giá vốn hàng bán (triệu đồng) |  |  |  |
| Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng) |  |  |  |
| Giá vốn hàng bán |  |  |  |
| Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng) |  |  |  |

*(\*) Tổng doanh thu: Tổng cộng các khoản thu nhập của doanh nghiệp (không bao gồm các khoản giảm trừ)*

1. **Thị trường tiêu thụ sản phẩm của Quý doanh nghiệp?**

Trong nước *(chiếm tỷ trọng ….... % doanh thu)*

Xuất khẩu *(chiếm tỷ trọng .......% doanh thu)*

1. **Cơ cấu doanh thu của Quý Doanh nghiệp hiện nay đến từ các dòng sản phẩm nào?**

Bao bì Nhựa *(chiếm tỷ trọng ……..% doanh thu)*

Bao bì Giấy *(chiếm tỷ trọng .......% doanh thu)*

Khác (ghi rõ………………………………………………………………………………..)

|  |
| --- |
| PHẦN II: TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP |

1. **Tác động của đại dịch Covid-19 đến tình hình kinh doanh của DN trong năm 2021 thế nào?**

Tốt hơn nhiều

Tốt hơn một chút

Không ảnh hưởng

Xấu đi một chút

Xấu đi rất nhiều

1. **Năng lực hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý Doanh nghiệp hiện ước bằng bao nhiêu phần trăm so với trước đại dịch bùng phát (Ước tính một cách tương đối về doanh thu, lợi nhuận)?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Doanh thu** | **Lợi nhuận** | **Công suất hoạt động** | **Hiệu suất hoạt động nói chung** |
| Dưới 40% |  |  |  |  |
| Từ 40% đến dưới 60% |  |  |  |  |
| Từ 60% đến dưới 80% |  |  |  |  |
| Từ 80% đến dưới 100% |  |  |  |  |
| Từ 100% đến 120% |  |  |  |  |
| Từ 120% đến 140% |  |  |  |  |
| Trên 140% |  |  |  |  |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, dự kiến mất khoảng bao lâu thì hoạt động sản xuất kinh doanh của Quý DN có thể phục hồi được như trước đây? (Lợi nhuận, doanh thu, năng suất lao động)?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Doanh thu** | **Lợi nhuận** | **Công suất hoạt động** | **Hiệu suất hoạt động nói chung** |
| Không rõ |  |  |  |  |
| Nhiều hơn 18 tháng |  |  |  |  |
| Từ 13 đến 18 tháng |  |  |  |  |
| Từ 7 đến 12 tháng |  |  |  |  |
| Khoảng 6 tháng |  |  |  |  |
| Từ 3 đến 6 tháng |  |  |  |  |
| Từ 1 đến 3 tháng |  |  |  |  |
| Khoảng 1 tháng |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp đã đã ưu tiên thực hiện các biện pháp nào dưới đây để ứng phó với đại dịch trong thời gian qua? (tối đa 5 biện pháp)**

|  |
| --- |
| Tăng cường tự động hóa trong sản xuất, đầu tư sửa chữa, nâng cấp, lắp mới các hệ thống máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. |
| Triển khai làm việc từ xa, áp dụng công nghệ vào quản lý |
| Mở rộng chuỗi cung cung ứng & tìm kiếm thị trường mới |
| Nhanh chóng tìm các chuỗi cung ứng mới để thay thế |
| Tăng dự trữ hàng hóa và nguyên vật liệu thiết yếu |
| Cắt giảm lao động |
| Tập huấn nâng cao chất lượng nhân sự, sản xuất |
| Cơ cấu lại các mặt hàng chiến lược của công ty |
| Tăng cường hoạt động quảng cáo sử dụng công nghệ số (mạng xã hội) |
| Tăng cường hoạt động hậu mãi để gắn kết khách hàng |
| Tăng cường hoạt động mua bán và sáp nhập (M&A) |
| Thu hẹp quy mô doanh nghiệp và cắt giảm chi nhánh hoạt động |
| Khác (vui lòng ghi rõ ………………………………………………………………………………..) |

1. **Giải pháp chính mà Quý doanh nghiệp thực hiện để đối phó với tình trạng thiếu hụt dòng tiền là gì? (Tối đa hai tùy chọn)**

|  |
| --- |
| Vay từ các ngân hàng thương mại |
| Vay của các công ty tài chính |
| Vay từ cá nhân |
| Tăng vốn chủ sở hữu (thêm cổ đông mới hoặc tăng vốn của cổ đông cũ) |
| Đàm phán với người cho vay |
| Giảm chi phí hoạt động (ví dụ: sa thải và giảm lương) |
| Không gặp vấn đề thiếu hụt dòng tiền |
| Khác (vui lòng ghi rõ …………………………………………………………………………………..) |

1. **Giải pháp chính mà Quý doanh nghiệp thực hiện để đối phó với tình trạng thiếu hụt nhân công là gì? (Tối đa hai tùy chọn)**

|  |
| --- |
| Tăng lương và trợ cấp cho các lao động làm việc tại chỗ thuộc khu vực bị ảnh hưởng dịch |
| Thay đổi ca và/hoặc phân chia ca làm việc để giảm tiếp xúc |
| Cho phép một số vị trí làm việc từ xa |
| Sử dụng thiết bị, phần mềm để giảm khối lượng công việc |
| Đặt hàng gia công |
| Thương lượng để chậm giao hàng |
| Không thiếu nhân công |
| Khác (vui lòng ghi rõ …………………………………………………………………………..) |

1. **Giải pháp chính mà Quý doanh nghiệp thực hiện để đối phó với sự thiếu hụt các yếu tố đầu vào như hàng hóa trung gian và nguyên liệu thô (tối đa hai tùy chọn)?**

|  |
| --- |
| Đặt hàng gia công |
| Giảm công suất hoạt động |
| Tìm kiếm thêm nhà cung cấp mới |
| Thương lượng để chậm giao hàng |
| Không thiếu đầu vào |
| Khác (vui lòng ghi rõ …………………………………………………………………………………..) |

1. **Theo Quý doanh nghiệp, tác động lớn nhất của đại dịch Covid-19 lên ngành Bao bì (tối đa 2 phương án)?**

|  |
| --- |
| Là cơ hội để đẩy nhanh đổi mới sáng tạo |
| Sự đánh giá cao hơn của xã hội về vai trò tích cực của bao bì |
| Đẩy nhanh đáng kể công cuộc chuyển đổi số, tăng cường đầu tư vào tự động hóa |
| Tạo điều kiện để dẫn đến những thay đổi sâu sắc trong chiến lược (nhân sự, kinh doanh, đầu tư…) |
| Tăng tốc xu hướng thương mại điện tử |
| Sự thay đổi trong sở thích của người tiêu dùng đối với vật liệu/định dạng bao bì |
| Nhu cầu lớn hơn về truy xuất nguồn gốc chuỗi cung ứng |
| Giảm nhu cầu của người tiêu dùng đối với hệ thống đóng gói tái sử dụng |
| Tái cấu trúc/định vị hình ảnh tại các thị trường đang có mặt |
| Phân bổ lại nguồn đầu vào trong các chuỗi cung ứng |
| Tìm kiếm các cơ hội M&A và/hoặc theo đuổi chiến lược thoái vốn dựa trên các xu hướng ngành |

|  |
| --- |
| PHẦN III: TRIỂN VỌNG VÀ CHIẾN LƯỢC CỦA DOANH NGHIỆP TRONG  THỜI KỲ “BÌNH THƯỜNG MỚI TIẾP THEO” |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, triển vọng ngành Bao bì trong năm 2022 sẽ như thế nào?**

Tăng trưởng sẽ thấp hơn rất nhiều

Tăng trưởng sẽ thấp hơn một chút

Duy trì tốc độ tăng trưởng

Tăng trưởng khả quan, tốt hơn một chút

Tăng trưởng mạnh, tốt hơn nhiều

1. **Quý Doanh nghiệp dự báo thế nào về thay đổi trong nhu cầu khách hàng và lợi nhuận công ty trong ít nhất 6 tháng tới đây?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Không rõ** | **Giảm đi** | **Không thay đổi** | **Tăng lên** |
| Doanh thu |  |  |  |  |
| Lợi nhuận |  |  |  |  |
| Nhi cầu đối với sản phẩm bao bì của DN nói chung |  |  |  |  |
| Nhu cầu với bao bì thực phẩm – đồ uống của DN |  |  |  |  |
| Nhu cầu với bao bì Dược phẩm của DN |  |  |  |  |
| Nhu cầu với bao bì Điện tử của DN |  |  |  |  |
| Nhu cầu với bao bì xuất khẩu của DN |  |  |  |  |
| Nhu cầu với bao bì xi măng |  |  |  |  |
| Nhu cầu của khách hàng với các sản phẩm bao bì khác của DN  (ghi rõ………………………………….) |  |  |  |  |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, yếu tố nào là rào cản với khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp trong 12 tháng tới?**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Không gặp thách thức** | **Thách thức nhỏ** | **Thách thức vừa phải** | **Thách thức lớn** |
| Thiếu hụt nguồn vốn để sản xuất, kinh doanh |  |  |  |  |
| Đứt gãy chuỗi cung ứng trong sản xuất, kinh doanh |  |  |  |  |
| Không triển khai được kế hoạch bán hàng |  |  |  |  |
| Đảm bảo an toàn nơi làm việc |  |  |  |  |
| Sự leo thang chi phí trong nguyên liệu thô và hậu cần |  |  |  |  |
| Thiếu nhân lực để sản xuất, kinh doanh |  |  |  |  |
| Tiếp cận khách hàng mới |  |  |  |  |
| Chăm sóc khách hàng hiện tại |  |  |  |  |
| Xây dựng hệ thống công nghệ quản lý và điều hành công việc |  |  |  |  |
| Quản trị dòng tiền |  |  |  |  |
| Chi phí cho lưu thông vận chuyển hàng hóa |  |  |  |  |
| Hoàn thành các hợp đồng đúng thời hạn |  |  |  |  |

1. **Quý Doanh nghiệp đánh giá thế nào về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố sau đến thiết lập định hướng chiến lược tương lai trong thời kỳ bình thường mới?**

|  | **1**  **(Ảnh hưởng ít nhất)** | **2** | **3** | **4** | **5**  **(Ảnh hưởng nhiều nhất)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Yếu tố bên ngoài doanh nghiệp** | | | | | |
| Khả năng hồi phục của nền kinh tế |  |  |  |  |  |
| Lạm phát |  |  |  |  |  |
| Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 |  |  |  |  |  |
| Các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết |  |  |  |  |  |
| Sự phát triển của Cách mạng công nghệ 4.0, tự động hóa… |  |  |  |  |  |
| Sức ép cạnh tranh từ các doanh nghiệp nội - ngoại |  |  |  |  |  |
| Các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chí bảo vệ môi trường của ngành Bao bì |  |  |  |  |  |
| Sự biến động của giá và nguồn nguyên liệu và phụ gia |  |  |  |  |  |
| Sự biến động của tỷ giá, lãi suất ngân hàng |  |  |  |  |  |
| Sự thay đổi trong hành vi người tiêu dùng và các phương pháp tiếp cận người tiêu dùng |  |  |  |  |  |
| Sự phát triển của thương mại điện tử |  |  |  |  |  |
| **Yếu tố bên trong doanh nghiệp** | | | | | |
| Chất lượng nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Triển khai bền vững các mô hình kinh doanh mới |  |  |  |  |  |
| Hoạt động Marketing của Doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Tiềm lực tài chính của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Sự tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ và cải tiến quy trình sản xuất |  |  |  |  |  |
| Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm |  |  |  |  |  |
| Tốc độ ứng phó và sự thích nghi của doanh nghiệp |  |  |  |  |  |
| Văn hóa và giá trị cốt lõi |  |  |  |  |  |
| Công tác quản trị rủi ro |  |  |  |  |  |
| Yếu tố khác (ghi rõ……………………………..) |  |  |  |  |  |

1. **Đâu là yếu tố chính thúc đẩy việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của Quý Doanh nghiệp?** (tối đa 2 lựa chọn)

|  |
| --- |
| Việc triển khai chiến lược phát triển bền vững có thể nâng cao giá trị thương hiệu của doanh nghiệp |
| Khách hàng của doanh nghiệp coi trọng các hành động phát triển bền vững có thể đạt được |
| Chính phủ ban hành các quy định liên quan |
| Các nhà cung cấp của doanh nghiệp coi trọng các hành động phát triển bền vững |
| Doanh nghiệp có thể xác định các rủi ro và cơ hội bằng cách thực hiện chiến lược phát triển bền vững |
| Sự thay đổi trong sở thích của người tiêu dùng đối với vật liệu/định dạng bao bì |
| Doanh nghiệp của chúng tôi chưa có ý định thực hiện mục tiêu phát triển bền vững |
| Những biến động bất ngờ từ thiên tai, dịch bệnh |
| Khác (vui lòng ghi rõ………………………………………………………………………..) |

1. **Đâu là Top 5 giải pháp trọng tâm của doanh nghiệp trong thời kỳ bình thường tiếp theo?**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Trong ngắn hạn** | **Trong dài hạn** |
| Tăng cường số hóa các hoạt động vận hành của doanh nghiệp |  |  |
| Cải tiến chất lượng và mẫu mã sản phẩm cho phù hợp với mô hình thương mại điện tử |  |  |
| Tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro tài chính, biến động giá và chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào |  |  |
| Mở rộng thị trường, đẩy mạnh hoạt động marketing |  |  |
| Đa dạng nhà cung cấp nguyên vật liệu với giá cạnh tranh |  |  |
| Tìm kiếm cơ hội từ M&A |  |  |
| Tăng cường liên kết giữa các đối tác không cạnh tranh (nhà cung cấp nguyên liệu, máy móc, nhà phân phối…) |  |  |
| Thực hiện chiến lược phát triển bền vững, bảo vệ môi trường |  |  |
| Tăng cường các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm |  |  |
| Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao |  |  |
| Phát triển các mô hình kinh doanh, sản phẩm mới |  |  |
| Khác (vui lòng ghi rõ ……………………………………) |  |  |

1. **Trước ảnh hưởng của dịch, chính quyền các cấp và các tổ chức tài chính đã công bố các biện pháp cứu trợ, theo Quý doanh nghiệp chính sách nào là hiệu quả nhất? (Tối đa hai tùy chọn)**

|  |
| --- |
| Giảm tiền chi phí điện, viễn thông, hậu cần, v.v. |
| Giảm thuế suất, giảm, hoãn nộp thuế |
| Giảm chi phí tài trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, gia hạn thời hạn cho vay hoặc xóa nợ một phần |
| Tạm giảm tiền đóng bảo hiểm xã hội và hoàn trả bảo hiểm thất nghiệp đối với doanh nghiệp không sa thải nhân viên |
| Tối ưu hóa dịch vụ hoàn thuế xuất khẩu |
| Cung cấp chứng nhận "bất khả kháng" nhanh chóng để tránh vi phạm hợp đồng |
| Giảm chi phí thuê đất |
| Đẩy nhanh và ưu tiên vắc xin Covid-19 cho khối doanh nghiệp |
| Hỗ trợ tài chính cho người dân nhằm khôi phục sức mua hàng hóa |
| Khác (ghi rõ…………………………………………………………………...................) |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, đâu là Top 3 giải pháp mà Chính phủ nên chú trọng để hỗ trợ tốt nhất cho ngành Bao bì trong thời gian tới đây?**

|  |
| --- |
| Khuyến khích hoạt động đầu tư: thu hút vốn, chuyển giao công nghệ… từ nước ngoài |
| Hoàn thiện hệ thống hành lang pháp lý, minh bạch hóa thông tin, tạo môi trường cạnh tranh công bằng giữa các doanh nghiệp |
| Giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu sản xuất |
| Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm trong ngành, đặc biệt về thu gom và tái chế ngành Bao bì |
| Giải quyết vấn đề thiếu hụt nguyên liệu, phát triển ngành công nghệ phụ trợ cho ngành Bao bì |
| Hỗ trợ công tác xúc tiến, mở rộng thị trường |
| Cải thiện cơ sở hạ tầng, chú trọng cơ sở hạ tầng logistics |
| Khác (ghi rõ…………………………………………………………………...................) |

|  |
| --- |
| PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ |

1. **Đánh giá tiến trình chuyển đổi số hiện nay của Quý doanh nghiệp?**

Đang được triển khai trên quy mô

Đã triển khai một phần

Triển khai hạn chế

Củng cố hệ thống vận hành

Vẫn đang trong giai đoạn thiết kế

Hiện không có chiến lược chuyển đổi kỹ thuật số

1. **Chi phí cho quá trình chuyển đổi số tại Quý Doanh nghiệp?**

Không thực hiện

Dưới 1% của tổng doanh thu

Từ 1% đến dưới 5% tổng doanh thu

Từ 5% đến dưới 10% tổng doanh thu

Từ 10% tổng doanh thu trở lên

1. **Hiện nay, Quý Doanh nghiệp đang/dự kiến sẽ sử dụng những phương pháp, công cụ và công nghệ số nào để thúc đẩy chuyển đổi số hiệu quả?**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Rất Cao** | **Cao** | **Trung bình** | **Thấp** | **Rất thấp** |
| Nền tảng công nghệ di động |  |  |  |  |  |
| Dữ liệu lớn (Big Data) |  |  |  |  |  |
| Chatbots, voice |  |  |  |  |  |
| Công cụ Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) |  |  |  |  |  |
| Tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) |  |  |  |  |  |
| Điện toán đám mây |  |  |  |  |  |
| IOT (Internet vạn vật) |  |  |  |  |  |
| Blockchain |  |  |  |  |  |
| Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) |  |  |  |  |  |
| Phân tích và khai thác hệ thống khách hàng qua hệ thống BI (Business Intelligence) |  |  |  |  |  |
| Khác (vui lòng ghi rõ)  ……………………………................ |  |  |  |  |  |

1. **Các lĩnh vực hoạt động của Quý Doanh nghiệp đã áp dụng chuyển đổi số (Ứng dụng công nghệ và kỹ thuật số vào quá trình hoạt động kinh doanh) để thích ứng với đợt dịch vừa qua?**

|  | **Không áp dụng** | **Áp dụng ít** | **Áp dụng nhiều** |
| --- | --- | --- | --- |
| Trong hoạt động bán hàng |  |  |  |
| Trong hoạt động quảng cáo |  |  |  |
| Trong hoạt động giao nhận hàng hóa (logistics) |  |  |  |
| Trong hoạt động sản xuất |  |  |  |
| Trong hoạt động mua hàng (đầu vào) |  |  |  |
| Trong hoạt động chăm sóc khách hàng (hậu mãi) |  |  |  |
| Trong hoạt động quản lý nhân sự |  |  |  |
| Trong hoạt động tuyển dụng |  |  |  |
| Trong điều hành hoạt động doanh nghiệp |  |  |  |

1. **Theo Quý Doanh nghiệp, Top 3 khó khăn, rào cản Doanh nghiệp gặp phải khi tiếp cận và ứng dụng chuyển đổi số trong thời gian qua?**

|  | **Không**  **đồng ý** | **Đồng ý** | **Rất đồng ý** |
| --- | --- | --- | --- |
| Thiếu chiến lược xây dựng hệ thống công nghệ số hóa và sự hỗ trợ/lãnh đạo từ quản lý cấp cao |  |  |  |
| Không đủ nguồn vốn đầu tư |  |  |  |
| Không đủ nguồn nhân lực chất lượng cao |  |  |  |
| Thiếu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trợ giúp chuyển đổi số |  |  |  |
| Thiếu sự kết nối với hệ thống trường đại học để có hợp tác về chuyển đổi số |  |  |  |
| Thiếu cơ sở hạ tầng công nghệ cơ bản |  |  |  |
| Không đạt được sự thống nhất trong đội ngũ lãnh đạo về việc cần thực hiện CĐS |  |  |  |
| Thiếu công cụ đảm bảo an ninh mạng và bảo mật dữ liệu |  |  |  |
| Đối tác kinh doanh chưa sẵn sàng hợp tác về các giải pháp số |  |  |  |
| Lo ngại mất kiểm soát về sở hữu trí tuệ của doanh nghiệp |  |  |  |

|  |
| --- |
| ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU TRONG NGÀNH |

1. **Theo đánh giá của Quý Doanh nghiệp, đâu là các Doanh nghiệp tiêu biểu nhất trong ngành Bao bì Việt Nam hiện nay? (**Xin vui lòng đánh số từ 1 – 10 doanh nghiệp trong danh sách dưới đây với thứ tự 1 là doanh nghiệp mà Quý Doanh nghiệp đánh giá tiêu biểu nhất)

***Lưu ý:*** *Với các công ty được Quý Doanh nghiệp đánh giá là tiêu biểu, nhưng không có tên trong danh sách, vui lòng điền thêm vào các ô trống phía dưới*

**BẢNG 1: NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT BAO BÌ BẰNG GIẤY, BÌA**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thứ**  **hạng** | **TÊN DOANH NGHIỆP** |
|  | CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ BIÊN HÒA |
|  | CÔNG TY CP IN VÀ BAO BÌ GOLDSUN |
|  | CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NGỌC DIỆP |
|  | CÔNG TY CP ĐÔNG HẢI BẾN TRE |
|  | CÔNG TY CP TIẾN THÀNH |
|  | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI PHÚC HẢO |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ NHƠN TRẠCH |
|  | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẠNH MINH THI |
|  | CÔNG TY CP VICEM BAO BÌ BỈM SƠN |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ DẦU KHÍ VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ |
|  | CÔNG TY CP IN VÀ BAO BÌ BÌNH ĐỊNH |
|  | CÔNG TY CP VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG |
|  | CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT & XNK BAO BÌ HÀ NỘI |
|  |  |
|  |  |

**BẢNG 2: NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT BAO BÌ TỪ NHỰA**

| **Thứ hạng** | **TÊN DOANH NGHIỆP** |
| --- | --- |
|  | CÔNG TY CP NHỰA AN PHÁT XANH |
|  | CÔNG TY CP NHỰA HƯNG YÊN |
|  | CÔNG TY CP NHỰA BẢO VÂN |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ NHỰA TÂN TIẾN |
|  | CÔNG TY CP TRUNG ĐÔNG |
|  | CÔNG TY CP NHỰA RẠNG ĐÔNG |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ TÍN THÀNH |
|  | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI KIM ĐỨC |
|  | CÔNG TY CP SẢN XUẤT-THƯƠNG MẠI BAO BÌ THÀNH THÀNH CÔNG |
|  | CÔNG TY CP THUẬN ĐỨC |
|  | CÔNG TY CP NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG |
|  | CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT |
|  | CÔNG TY CP NHÀ VÀ THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ |
|  | CÔNG TY CP KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ PP BÌNH DƯƠNG |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ SÀI GÒN |
|  | CÔNG TY CP NHỰA VIỆT NAM |
|  | CÔNG TY CP SADICO CẦN THƠ |
|  | CÔNG TY CP BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ |
|  | CÔNG TY CP SẢN XUẤT NHỰA DUY TÂN |
|  | CÔNG TY TNHH NHỰA LONG THÀNH |
|  | CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ NHỰA SEN VIỆT |
|  | CÔNG TY CP NHỰA - BAO BÌ VINH |
|  |  |
|  |  |